

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/7/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Lại Hùng Hưng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Văn Miên và bà Lê Thị Cần.

***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/7/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993, địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Phan Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T trải qua thời gian yêu T, tìm hiểu nhau một thời gian dài, tự nguyện tổ chức đám cưới theo phong tục từ đầu năm 2019. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/10/2019 Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 10/10/2019).

Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Trong thời gian sống chung, anh T có thái độ thiếu tôn trọng, có hành vi đánh đập, chửi bới, đe dọa chị. Anh T còn có hành vi làm ảnh hưởng đến uy tín của chị. Đất ở và nhà ở do vợ chồng tạo lập nên nhưng lại đứng tên mẹ anh T.

Ngoài ra, trong cuộc sống chung với mẹ chồng, những khi chị làm gì không vừa ý thì mẹ của anh T chửi bới, xúc phạm chị, đe dọa đuổi chị ra khỏi nhà. Anh T bên vực

mẹ, đứng về phía mẹ.

Xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 28/01/2020.

Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Kiệt, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng, tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị T trải qua thời gian yêu T, tìm hiểu nhau một thời gian dài (từ thời gian còn học Đại học), tự nguyện tổ chức đám cưới theo phong tục từ đầu năm 2019. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/10/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai như chị T trình bày.

Sau khi đám cưới, vợ chồng thuê nhà ở, sau đó vợ chồng xây nhà để sống chung. Để có tiền mua đất và xây nhà, vợ chồng phải nhờ bố mẹ anh đứng ra thế chấp tài sản để vay tiền hỗ trợ cho vợ chồng.

Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Chị T thiếu trách nhiệm, không đảm đương được chức trách của người làm mẹ, làm vợ, có những lời nói, thái độ không đúng mực, xúc phạm mẹ chồng. Vì bức tức, anh có một lần đánh chị T nhưng chị T cũng đánh lại. Vợ chồng nhiều lần cãi nhau.

Anh thấy rằng, trước khi kết hôn, vợ chồng đã trải qua thời gian dài yêu T, tìm hiểu nhau mới đi đến hôn nhân, hiện đã có với nhau con chung và tài sản chung. Vì quan hệ hôn nhân của vợ chồng, vì tương lai của con, anh muốn níu kéo cuộc hôn nhân nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Minh Kiệt, sinh ngày 28/01/2020.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Kiệt và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Hữu T. Giao cháu Kiệt cho chị T nuôi dưỡng. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng, tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm tháng cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi.

Chị T và anh T phải án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu T và giải quyết nuôi con. Chị T là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10/10/2019. Hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Chị T và anh T đều thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng. Chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh T cho rằng, vì tương lai con cái nên anh muốn níu kéo cuộc sống hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 28/01/2020. Chị T và anh T đều có nguyện vọng nuôi cháu Kiệt.

Cháu K là con chung dưới 36 tháng tuổi. Chị T và anh T không thỏa thuận được người nuôi cháu Kiệt. Chị T và anh T đều là người có sức khỏe bình thường, có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và Gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Kiệt cho chị T nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng, tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm thặng cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi.

[5] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, anh T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Minh K, sinh ngày 28/01/2020.

Giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiệt mức 1.500.000 đồng/tháng, tính từ khi

Tòa án xét xử sơ thẩm tháng cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

Chị T và anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Phan Thị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, anh Nguyễn Hữu T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

Chị T được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001258 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

#### 4. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

#### **Nơi nhận:**

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Chư Ty;
- THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Hùng Hưng**